

Tuyên Hóa, ngày 22 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý các Công ty, Doanh nghiệp

Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đang có nhu cầu mua sắm: Máy siêu âm chuyên tim mạch và hệ thống nội soi tai mũi họng để phục vụ công tác khám chữa bệnh. Nay thông báo đến Quý công ty, Doanh nghiệp có đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu tham gia báo giá: Máy siêu âm chuyên tim mạch và hệ thống nội soi tai mũi họng như sau: Danh mục cần báo giá tại **Phụ lục 1**

- 1. Hồ sơ báo giá gồm:** - Bảng chào giá theo mẫu **Phụ lục 2**
- Các tài liệu liên quan (nếu có)
- 2. Thời gian nhận báo giá:** Từ 14g00 ngày 22/5/2024 đến 17g00 ngày 02/6/2024
- 3. Hình thức nhận báo giá:** Gửi qua đường bưu điện.

Địa chỉ: Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, Tiểu khu Tam Đồng, Thị trấn Đồng Lê, Tuyên Hóa, Quảng Bình.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- 4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:** 90 ngày, kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2024
- Mọi thông tin chi tiết liên hệ: Ông Phan Tiến Dũng, Trưởng khoa Dược, Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, SĐT: 0919419357

Xin trân trọng cảm ơn Quý đơn vị !

Nơi nhận :

-Như trên
-Lưu VT

GIÁM ĐỐC

Lâm Tuấn Phương

Phụ lục 1

DANH MỤC BÁO GIÁ

(Kèm thông báo mời báo giá số 187/TB-BVĐKTH ngày 22 tháng 5 năm 2024)

TT	Tên hàng hóa, tài sản mua sắm	Cấu hình, Tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	MÁY SIÊU ÂM CHUYÊN TIM MẠCH 4 ĐẦU DÒ: CONVEX, LINEAR, TIM NGƯỜI LỚN, TIM TRẺ EM	I. YÊU CẦU CHUNG – Thiết bị mới 100%. – Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. – Xuất xứ: các nước công nghiệp phát triển G7 – Năm sản xuất thiết bị: Năm 2024 trở về sau – Thời gian bảo hành : ≥ 12 tháng – Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C, – Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ II. YÊU CẦU VỀ CẤU HÌNH – Máy chính với màn hình kèm xe đẩy có hãm : 01 chiếc – Đầu dò convex: 01 chiếc – Đầu dò linear: 01 chiếc – Đầu dò tim người lớn: 01 cái – Đầu dò tim trẻ em: 01 cái – Bộ phần mềm siêu âm bản quyền: 01 bộ – Bộ thiết bị phụ trợ: 01 bộ, tối thiểu có: – Bộ máy vi tính: 01 bộ – Máy in phun màu: 01 bộ – Bộ lưu điện online $\geq 2\text{KVA}$: 01 bộ – Bàn đặt máy tính: 01 cái – Máy hút ẩm: 01 cái – Gel siêu âm: 05 L – Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + Việt: 01 bộ III. YÊU CẦU VỀ TÍNH NĂNG KỸ THUẬT – Sử dụng cho các lĩnh vực thăm khám: bụng, tổng quát, mạch máu, mạch ngoại vi, tuyến giáp, vú, tim mạch . – Máy siêu âm màu tổng quát kèm đầy đủ phụ kiện tiêu chuẩn : +Màn hình ≥ 21 inch với độ phân giải cao +Màn hình phụ điều khiển cảm ứng ≥ 10 inch: 01 cái +Phương pháp quét tối thiểu: quét rẽ quạt lõi điện tử, quét tuyến tính điện tử, quét rẽ quạt dây pha điện tử.... +Ổ cắm đầu dò: ≥ 4 đầu dò • Đặc tính kỹ thuật kiểu M: Trên hình ảnh mode M (tốc độ, quãng thời gian, nhịp tim...), +Phương pháp hiển thị: thanh chuyển động hoặc tương đương	Máy	01

		+ Tốc độ quét: có thể lựa chọn nhiều chế độ tối đa $\geq 300\text{mm/ giây}$ + Điều khiển hệ số khuếch đại: Có + AGC: có lựa chọn nhiều bước + Góc tự do ở chế độ M : Có • Đặc tính kỹ thuật kiểu B: Các phép đo cơ bản trên hình ảnh mode B (khoảng cách, diện tích, thể tích, góc xương hông...), + Mức thang xám hiển thị: ≥ 256 mức + Mật độ dòng: ≥ 8 bước + Lựa chọn thang độ sâu: Có , từ ≤ 0.1 đến ≥ 5.0 (tùy thuộc vào đầu dò) + Điều chỉnh thời gian khuếch đại: ≥ 8 thanh điều khiển trượt + Điều khiển chếch đại nghiêng : ≥ 8 góc + AGC: Có + Lái tia kiểu B : Có + Xử lý thích ứng hình ảnh: có thể thay đổi được + Điều khiển độ khuếch đại: Có • Phổ Doppler: Phổ Doppler (quãng thời gian, nhịp tim, tốc độ...), – Phương pháp Doppler tối thiểu có: Doppler xung, Doppler tần số lặp xung cao, Doppler liên tục, Doppler đôi , Doppler liên tục – Tần số so sánh (tùy thuộc đầu dò): + Tối đa 3 tần số + Doppler xung (MHz): Có thể thay đổi được từ 1.9 đến 8.6 Mhz + Doppler liên tục (MHz): Có thể thay đổi được từ 1.8 đến 5.0 MHz – Phân tích: + Doppler xung: Cận dưới: $\leq 0.05 \text{ kHz}$. Cận trên: $\geq 40 \text{ kHz}$; + Doppler liên tục: Cận dưới: $\leq 1.1 \text{ kHz}$. Cận trên: $\geq 40 \text{ kHz}$; – Dịch chuyển đường cơ bản: có thể điều chỉnh tĩnh hoặc thời gian thực – Quét tuyến tính lái: tối đa ± 30 độ (tùy thuộc đầu dò) – Hiệu chỉnh góc: Có thể hiệu chỉnh – Thẻ tích lấy mẫu cho Doppler xung: Cận dưới: $\leq 0.5 \text{ mm}$. Cận trên: $\geq 20 \text{ mm}$ – Khuếch đại Doppler: Có – Có lọc chuyển động vách – Dải động: + Cận dưới: $\leq 40 \text{ dB}$. Cận trên: $\geq 90\text{dB}$ • Đặc tính kỹ thuật cho Doppler màu – Kích cỡ diện tích vùng màu: có thể thay đổi liên tục – Mật độ dòng: ≥ 8 bước		
--	--	--	--	--

		– Quét tuyến tính lái: tối đa $\pm \geq 30$ độ (phụ thuộc đầu dò) – Chế độ dòng màu: + Dải vận tốc tối đa: Cận dưới $\pm \leq 0.7$ cm/giây. Cận trên $\pm \geq 450$ cm/giây + Tần số tham chiếu (phụ thuộc đầu dò): Có nhiều dải tần số thay đổi được (MHz) + Tần số xung lặp lại từ : Cận dưới: ≤ 0.03 kHz . Cận trên: ≥ 19.8 kHz + Làm mịn: Có + Lọc vách: Có + Giảm chuyển động vách: Có, nhiều chế độ lựa chọn (tắt và ≥ 3 lựa chọn) + Mã màu: ≥ 15 loại – Dịch chuyển đường cơ bản màu: có thể tăng gấp đôi vận tốc • Chế độ Doppler năng lượng: + Mẫu hiển thị tối thiểu có: dòng chảy màu năng lượng, Dòng chảy màu năng lượng theo hướng... + Phân mức: ≥ 256 mức + Mã màu: ≥ 15 loại + Làm nhẵn: ≥ 5 loại • Các phép đo và phân tích – Các phép đo cơ bản tối thiểu có: kiểu B, Đo khoảng cách, Vết - khoảng cách, Đo diện tích/ chu vi, Đo thể tích, Chỉ số B, Biểu đồ, Góc xương hông. Kiểu M, Đo vận tốc, Độ dài, Khoảng thời gian, Đo nhịp tim, Chỉ số M. Phổ Doppler Vận tốc, Gia tốc, Chỉ số sức cản, Chỉ số xung, Thời gian nửa áp lực, Nhịp tim, D. Caliper, Chỉ số D, vận tốc trung bình, khoảng thời gian, Đo lưu lượng dòng chảy. – Các phép đo sản khoa tối thiểu có: Đo tuổi thai, trọng lượng thai, đo Doppler thai, đo chức năng tim thai, đo chỉ số nước ối, đo chiều dài cổ tử cung, chức năng phân tích sự phát triển thai . – Các phép đo và tính toán phụ khoa tối thiểu có: Đo nang trứng phương pháp 3 trục, đo bàng quang, tiết niệu. – Các phép đo khác tối thiểu có: Phân tích mạch máu ngoại biên, các phép đo bụng, – Các phép đo chuyên tim tối thiểu có : kiểu B, kiểu M : đo thể tích LV, Có thể tự động theo dõi khoang tim, Các phép đo diện tích van, Có thể theo dõi khoang tim tự động, Các phép đo FAC, IVC , LA/AO, IVC , Các phép đo van 2 lá, van 3 lá, van động mạch phổi , Kiểu Doppler : Lưu lượng dòng chảy thất trái, thất phải, dòng chảy qua van hai lá, dòng trào ngược, Dòng co hẹp , lưu lượng thể tích (MR), phép đo PISA, lưu lượng tĩnh mạch phổi, mạch vành, TDI PW, mạch vành, Đánh giá không		
--	--	---	--	--

		đồng bộ – Phép đo lường nội mạc tự động, có thể tách tự động IMT max, IMT min và IMT mean bằng cài đặt vùng lưu ý trên trục nhìn dài của mạch . – Các chức năng báo cáo tối thiểu có: Báo cáo sản khoa, Báo cáo phụ khoa, Báo cáo tim, Báo cáo mạch, Báo cáo cho thăm khám tiết niệu, Báo cáo cho các phép đo ổ bụng... • Quản lý hình ảnh +Hiển thị hình ảnh lưu +Có thể phóng to, xoay, đảo hình +Có thể kiểm tra đánh dấu trên các hình ảnh +Bộ nhớ USB – Dữ liệu bệnh nhân: +Thông tin bệnh nhân: ID 64 ký tự, tên 64 ký tự, ngày sinh, giới tính • Khả năng lưu trữ dữ liệu tối thiểu có: – Ổ cứng $\geq 500\text{GB}$ (có thể nâng cấp tới 1TB) – DVD, CD – Giao diện mạng(định dạng DICOM) – Phần mềm DICOM 3.0, hỗ trợ kết nối HIS: 01 bộ • Bộ phần mềm phụ trợ, tối thiểu bao gồm: – Bộ xuất tín hiệu Video hỗ trợ máy in ngoài: 01 bộ – Bộ Doppler liên tục: 01 bộ • Bộ phần mềm kèm máy, tối thiểu bao gồm: +Phần mềm siêu âm bụng tổng quát, thận, tiết niệu, vú, tuyến giáp, phần nhỏ, mạch máu, mạch ngoại vi +Phần mềm siêu âm mạch máu dòng chảy +Phần mềm đo độ dày nội mạc tự động Auto IMT +Phần mềm đo độ dày da gáy tự động Auto NT +Phần mềm siêu âm chuyên tim • Thông số kỹ thuật đầu dò tối thiểu có : Đầu dò Convex thăm khám bụng tổng quát Dải tần số ≤ 1.0 đến $\text{Mhz} \geq 5.0$ Mhz Góc quét : ≥ 60 độ Đầu dò Linear thăm khám mạch máu Dải tần số ≤ 2.0 đến $\text{Mhz} \geq 12.0$ Mhz Góc quét : ≥ 35 độ Đầu dò tim người lớn Dải tần số ≤ 1.0 đến $\text{Mhz} \geq 5.0$ Mhz Góc quét : ≥ 90 độ Đầu dò tim nhi Dải tần số ≤ 2.0 đến $\text{Mhz} \geq 9.0$ Mhz Góc quét : ≥ 90 độ • Bộ thiết bị phụ trợ tối thiểu có: Bộ máy tính để bàn : 01 bộ Xuất xứ: Đông Nam Á – CPU: chip Intel Core $\geq i3$, tốc độ xử lý $\geq 2.5\text{GHz}$, hệ điều hành bản quyền – Ổ cứng: HDD $\geq 1\text{TB}$, SSD $\geq 128\text{GB}$ – Màn hình: : LCD ≥ 24 inch FHD		
--	--	---	--	--

		Bộ lưu điện UPS online : 01 bộ Xuất xứ: Đông Nam Á – Công suất: 2KVA – Điện áp vào/ra: 220 VAC – 50Hz Máy in phun màu : 01 bộ Xuất xứ: Đông Nam Á – Cỡ giấy: giấy A4 – Độ phân giải: $\geq 5760 \times \geq 1440$ dpi – Tốc độ: 10 ppm (trắng đen), 5.0 ppm Máy hút ẩm : 01 bộ Xuất xứ: Đông Nam Á – Công suất: ≥ 14 lít/ 24 giờ – Thể tích bình chứa: ≥ 2 lít Bàn vi tính : 01 bộ Xuất xứ : Việt Nam – Kiểu dáng : chân sắt sơn tĩnh điện, bánh xe có hãm. Mặt bàn : ván MDF chống thấm IV. CÁC YÊU CẦU KHÁC – Giá là trọn gói đến nơi sử dụng không phát sinh bất kỳ chi phí nào khác, bao gồm: giá thiết bị, phí vận chuyển, lắp đặt, đào tạo sử dụng thành thạo tại nơi sử dụng, bảo hành, thuế, kiểm định theo quy định (nếu có) và các loại phí khác (nếu có). – Thời gian giao lắp đặt: ≤ 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng – Thời gian bảo hành: Thời gian bảo hành của thiết bị theo nhà sản xuất và tối thiểu ≥ 12 tháng. – Bảo trì 06 tháng/lần trong suốt thời gian bảo hành. – Đào tạo, hướng dẫn sử dụng thành thạo và chuyển giao công nghệ cho tại đơn vị sử dụng		
2	HỆ THỐNG NỘI SOI TAI MŨI HỌNG	<u>I. Yêu cầu chung:</u> - Năm sản xuất: Thiết bị chính sản xuất năm 2023 trở về sau, mới 100% - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn CE hoặc ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương. - Nguồn điện cung cấp: 220 V; 50 Hz - Yêu cầu môi trường hoạt động của thiết bị: + Nhiệt độ tối đa $\geq 40^{\circ}\text{C}$; + Độ ẩm tối đa $\geq 85\%$ <u>II. Cấu hình và số lượng</u> Hệ thống nội soi Tai mũi họng Video kèm phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm: - Bộ xử lý hình ảnh nội soi kèm nguồn sáng LED có tính năng chẩn đoán ung thư sớm: 01 bộ - Phụ kiện đi kèm máy chính: - Ống nội soi Tai mũi họng ống mềm video: 01 bộ - Bộ kiểm tra rò rỉ: 01 cái	Hệ thống	01

		- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ - Màn hình nội soi: 01 bộ - Máy hút dịch: 01 máy - Hệ thống trả kết quả: 01 bộ gồm <i>Máy tính: 01 cái</i> <i>Màn hình: 01 cái</i> <i>Máy in màu: 01 cái</i> <i>Phần mềm in kết quả cho bệnh nhân: 01 bộ</i> Xe đẩy cho hệ thống nội soi: 01 bộ Bộ lưu điện online: 01 bộ <u>III. Đặc trưng kỹ thuật cơ bản:</u> 1. Bộ xử lý hình ảnh nội soi kèm nguồn sáng LED Bộ xử lý đi kèm với nguồn sáng LED hoặc tương đương Có ≥ 3 chế độ chẩn đoán ung thư sớm Lựa chọn ≥ 3 chế độ bằng cách bấm nút chuyển chế độ ánh sáng Có chức năng chẩn đoán phổ màu đa tần hỗ trợ chẩn đoán ung thư sớm Tùy chỉnh bước sóng cho các màu R, G, B từ 400 đến 695nm Điều chỉnh màu sắc tối thiểu: Màu đỏ, xanh lá, độ sáng, chroma ≥ 9 bước mỗi loại Có chế độ dừng hình để quan sát tổn thương Hiển thị các thông số tối thiểu của ống soi trên màn hình: Loại ống soi và số seri Hiển thị tối thiểu thông tin bệnh nhân: Tên bệnh nhân, mã bệnh nhân, ngày sinh, giới tính, tên bác sỹ Bộ nhớ: - Dữ liệu bệnh nhân ≥ 40 người - Thủ thuật: ≥ 20 kiểu - Tên bác sĩ: ≥ 20 người - Mẫu thiết lập cho bác sĩ: ≥ 5 mẫu Có thể lưu hình ảnh FTP thông qua hệ thống mạng Chế độ Iris tối thiểu: AUTO/PEAK/AVE Phóng đại ảnh: Phóng đại điện tử 1x - 2x (bước phóng đại $\geq 0.05x$) Phóng đại quang học: Chế độ zoom nhiều bước hoặc liên tục Phương pháp lấy ảnh: Đồng thời Bộ đếm hình chụp: Tăng dần Tương thích với ≥ 3 các hệ ống soi Hệ màu: NTSC hoặc tương đương Ngõ ra video: Có 2. Nguồn sáng LED: Phát ra ánh sáng trắng Có ≥ 3 bóng LED riêng biệt Độ chiếu sáng tối đa: ≥ 750 lm Điều chỉnh ánh sáng tự động Phương pháp làm mát: Cường bức bằng quạt gió Bơm cấp khí có ≥ 4 chế độ: HI/MID/LOW/OFF		
--	--	---	--	--

		Áp lực cấp khí tối đa $\geq 65\text{kPa}$ Áp lực cấp nước tối đa $\geq 65\text{kPa}$ 3. Phụ kiện đi kèm máy chính: Ống soi Tai mũi họng ống mềm video: Sử dụng cảm biến thu hình Super CCD hoặc tương đương Trường nhìn: $\geq 90^\circ$ Hướng nhìn thẳng: 0° Phạm vi quan sát $\leq 3\text{mm} - \geq 50\text{mm}$ Đường kính đầu ống soi $\geq 2.9\text{ mm}$ Đường kính thân ống soi $\geq 3.2\text{ mm}$ Khả năng uốn cong: - Lên: $\geq 130^\circ$ - Xuống: $\geq 130^\circ$ Chiều dài làm việc $\geq 300\text{mm}$ Chiều dài toàn bộ $\geq 500\text{mm}$ Bộ kiểm tra rò rỉ Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt Màn hình nội soi Màn hình màu LCD: $\geq 21.5\text{ inch}$ Độ phân giải ảnh: $\geq 1920 \times 1080\text{ pixel}$ Tỉ lệ khung hình: $\geq 16:9$ Góc nhìn: $\geq 178^\circ$ Thời gian đáp ứng: $\leq 15\text{ ms}$ Đường tín hiệu vào: DVI-I, Displayport, USB, HDMI, S-Video, Máy hút dịch Thể tích bình: $\geq 2\text{ lít/bình}$ Áp lực hút: $\geq -80\text{ kPa}$ (-600mmHg) Lưu lượng hút tối đa: $\geq 40\text{ lít/phút}$ Độ ồn: $\leq 65\text{ dBA}$ Hệ thống trả kết quả Máy tính Bộ vi xử lý: $\geq 3.0\text{ GHz}$ RAM: $\geq 8\text{GB}$ Ổ cứng HDD: $\geq 500\text{ GB}$; DVD RW; bàn phím và chuột Màn hình Màn hình LCD: $\geq 21.5\text{ inch}$ Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080\text{ pixel}$ Máy in màu Màu, khổ A4, giao tiếp USB Phần mềm in trả kết quả cho bệnh nhân Xe đẩy cho hệ thống nội soi Chất liệu sơn tĩnh điện hoặc tương đương Có giá treo, giá giữ ống, phanh hãm bánh xe, ổ cắm điện Bộ lưu điện Online $\geq 2\text{kVA}$ 4. Yêu cầu khác		
--	--	---	--	--

		- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế ≥ 7 năm - Cam kết trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu phải cử kỹ sư đến khắc phục sự cố kỹ thuật (trong thời gian bảo hành) - Thời gian bảo hành thiết bị ≥ 12 tháng - Lắp đặt, hướng dẫn sử dụng tại đơn vị sử dụng - Thực hiện bảo trì theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất		
--	--	--	--	--

Phụ lục 2

Biểu mẫu BẢN CHÀO GIÁ

(Kèm theo thông báo mời số 187/TB-BVĐKTH ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa)

Thông tin của đơn vị báo giá:.....

(Tên, địa chỉ, số điện thoại, email).....

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

Căn cứ thông báo mời báo giá số 187/TB-BVĐKTH ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa. Chúng tôi (tên đơn vị.....) có địa chỉ tại

Xin gửi đến Quý Bệnh viện bản chào giá như sau:

TT	Tên hàng hóa, tài sản mua sắm	Hãng sản xuất, chủng loại (Model), xuất xứ	Nước/Đơn vị sản xuất	Tính năng, cấu hình, thông số kỹ thuật	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã có VAT)	Thành tiền	Mã sản phẩm	Ghi chú

Ghi chú: Báo giá này có hiệu lực ngày kể từ ngày phát hành

Báo giá đã gồm thuế, phí vận chuyển...bên mua không phải trả bất kỳ một khoản chi phí nào thêm.

Đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá
(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)